

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2020/DS-ST  
Ngày: 30/6/2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nay Lu Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Siu Tư Lul và bà Trương Thị Minh Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hiền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa:**  
Ông Nay Jar– Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu Điện Liên Việt.

Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt- Chi nhánh tỉnh G)

Ông Nguyễn Tấn N ủy quyền cho ông Phạm Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G – Phòng Giao dịch C ( theo văn bản số 155/2019/UQ- LienVietPostBank.G 9/12/2019).

Địa chỉ: 783 Hùng Vương, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Tý K và bà Hoàng Thị Đ

Cùng địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, tỉnh G. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019, bản tự khai ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần TMCP Bưu Điện Liên Việt (gọi tắt là Ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ theo sản phẩm “Cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn” theo hợp đồng tín dụng số HDTD6522019105, ngày 01/03/2019, với các thỏa thuận cụ thể:

Số tiền vay 300.000.000 đồng; phương thức cho vay từng lần, mục đích vay để thanh toán chi phí chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu và chăn nuôi bò; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên, theo giấy đề nghị giải ngân kèm kê ước nhận nợ ngày 01 tháng 3 năm 2019; Lãi suất từ thời điểm giải ngân: 10,5%/năm; hình thức vay có bảo đảm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông K, bà Đ đã thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 01/03/19/LPB.CS ngày 01/03/2019, gồm:

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 35, diện tích 148 m<sup>2</sup> đất ở, địa chỉ đất tại Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 558507 ngày 28/12/2011 cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 63, diện tích 2252,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 877063 ngày 13/09/2018 cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 63, diện tích 2514,0 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 345542 ngày 07/12/2018 cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ.

Trong quá trình vay vốn, do ông K, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chỉ trả lãi đến ngày 24/6/2019, chưa trả tiền nợ gốc nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông K, bà Đ phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính từ ngày 25/5/2019 đến ngày 30/6/2020 là 25.880.807 đồng, nợ lãi gốc quá hạn từ ngày 01/02/2020 đến ngày 30/6/2020 là 23.270.548 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.847.927 đồng. Trường hợp ông K, bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 01/03/19/LPB.CS ngày 01/03/2019 để thu hồi nợ.

*Đối với các bị đơn ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ:* Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định, ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, tỉnh G nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và triệu tập đối với ông K, bà Hoàng Thị Đ để ông bà biết trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa

nhưng ông K, bà Đ đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt các bị đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Theo “Điều khoản thi hành” trong hợp đồng tín dụng số HDTD6522019105, ngày 01/03/2019 các bên giao kết ấn định Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt bằng hành vi pháp lý đã nộp đơn khởi kiện, lựa chọn Tòa án nhân dân huyện C là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi bị đơn cư trú, đồng thời nơi thực hiện hợp đồng là địa bàn huyện C. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C, thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn là ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo nghĩa vụ cam kết tại Điều 8 Hợp đồng thế chấp và theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự 2015 là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết những văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bị đơn, đảm bảo cho việc bị đơn tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung tại các Điều 39, 177, 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hợp đồng tín dụng số HDTD6522019105 ngày 01/03/2019.

Hợp đồng tín dụng số HDTD6522019105 ngày 01/03/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G – Phòng Giao dịch C với ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên. Về mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Theo nội dung hợp đồng tín dụng thì ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 11 tháng, kể từ ngày bên vay nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm; mục đích vay để thanh toán chi phí chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu và chăn nuôi bò. Trong quá trình quan hệ tín dụng đến ngày 25/5/2019, ông K

và bà Đ không trả nợ lãi vay cho Ngân hàng, ngày 05/7/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông K và bà Đ sang nợ quá hạn và đã thông báo cho ông K và bà Đ được biết. Do ông Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà Đ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, việc tính lãi của Ngân hàng đối với khoản vay của Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ bao gồm lãi nợ trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp với mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, không trái với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt. Vì vậy, cần Buộc ông Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính từ ngày 25/5/2019 đến ngày 30/6/2020 là 25.880.807 đồng, nợ lãi gốc quá hạn từ ngày 01/02/2020 đến ngày 30/6/2020 là 23.270.548 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.847.927 đồng.

[3] Xét, Hợp đồng thế chấp số 01/03/19/LPB.CS ngày 01/03/2019 được lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng công chứng C ngày 01/3/2019, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G – Chi nhánh huyện C ngày 01/3/2019 theo đúng quy định của giao dịch bảo đảm, tài sản thế chấp gồm:

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 35, diện tích 148 m<sup>2</sup> đất ở, địa chỉ đất tại Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 558507 ngày 28/12/2011 cho ông Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 63, diện tích 2252,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 877063 ngày 13/09/2018 cho ông Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 63, diện tích 2514,0 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 345542 ngày 07/12/2018 cho ông Trịnh Tỷ K và bà Hoàng Thị Đ.

Hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên; mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2020, xác định:

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 35, diện tích 148 m<sup>2</sup> đất ở, địa chỉ đất tại Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 558507 ngày

28/12/2011 cho ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì tài sản không có người sử dụng và không có tranh chấp.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 63, diện tích 2252,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 877063 ngày 13/09/2018 cho ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì tài sản không có người sử dụng và không có tranh chấp.

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 63, diện tích 2514,0 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 345542 ngày 07/12/2018 cho ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì tài sản không có người sử dụng và không có tranh chấp.

Theo điểm 5.1.1 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp nói trên có nêu, bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, kể cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn thì Ngân hàng phát sinh quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy trường hợp ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông K và bà Đ để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ phải chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do đó cần buộc ông Trịnh Tỷ Kvà bà Hoàng Thị Đ hoàn trả cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.039.971 đồng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

1.1. Buộc ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt thông qua Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G - Phòng giao dịch C số tiền 350.999.282 đồng, trong đó:

Tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính từ ngày 25/5/2019 đến ngày 30/6/2020 là 25.880.807 đồng, nợ lãi gốc quá hạn từ ngày 01/02/2020 đến ngày 30/6/2020 là 23.270.548 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.847.927 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại HĐTD6522019105 ngày 01/03/2019 và tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6522019105/01 ngày 01/3/2019.

1.2. Trường hợp ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt thông qua Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G – Phòng giao dịch C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp 01/03/19/LPB.CS ngày 01/03/2019 để thu hồi nợ, gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 558507, thửa đất số 70, tờ bản đồ số 35, diện tích 148 m<sup>2</sup> đất ở, địa chỉ đất tại Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ ngày 28/12/2011.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 877063, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 63, diện tích 2252,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ ngày 13/9/2018.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 345542, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 63, diện tích 2514,0 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất tại Thôn Dnâu, xã Bờ Ngoong, huyện C, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp cho ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ ngày 07/12/2018.

2. Buộc ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt thông qua Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G – Phòng giao dịch C chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

3. Ông Trịnh Tý Kvà bà Hoàng Thị Đ phải nộp 18.039.971 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt thông qua Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh G – Phòng giao dịch C 8.019.834 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002711 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị

đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nay Lu Vinh**